

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH
06 THÁNG NĂM 2026**

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)
(Kèm theo Quyết định số 1032/QĐ- UBND ngày 10 tháng 7 năm 2026 của UBND xã Cần Đăng)

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 03 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

UBND xã Cần Đăng công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 6 tháng như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 6 tháng so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí...				
	Phí ...				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	<i>Chi sự nghiệp....</i>				
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí...				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	149.388	68.933,89	46,14	
I	Nguồn ngân sách trong nước	149.388	68.933,89	46,14	
1	Chi quản lý hành chính	26.226	12.324,12	46,99	

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 6 tháng so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
1	2	3	4	5	6
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ		7.851,91		
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ		4.472,21		
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ				
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ				
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo				
-	Nhiệm vụ chuyển đổi số				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	82.200	33.990,15	41,35	
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ		33.728,57		
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ		261,59		
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình		1.294,16		
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ		1.150,06		
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ		144,10		
5	Chi bảo đảm xã hội	13.135	10.192,24	77,60	
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ		-		
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ		10.192,24		
6	Chi hoạt động kinh tế	11.647	3.575,63	30,70	
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ		-		
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ		3.575,63		
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	1.700	269,15	15,83	
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ		269,15		
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	300	437,94	145,98	
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ		437,94		
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	200	175,20	87,60	
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ		-		
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ		175,20		
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	300	79,59	26,53	
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ		79,59		

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 6 tháng so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
1	2	3	4	5	6
11	Chi quốc phòng	4.197	2.650,57	63,15	
11.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ		-		
11.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ		2.650,57		
12	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	1.428	686,80	48,10	
12.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ		-		
12.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ		686,80		
13	Chi khác ngân sách	3.079	957,96	31,11	
13.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
13.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ		957,96		
14	Dự phòng	2.816			
15	Chi đầu tư phát triển	2.160	2.300,38		
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 6 tháng so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
1	2	3	4	5	6
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				